| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ TRÀ VINH**<br>**TỈNH TRÀ VINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 31/2023/DS-ST<br>Ngày 02-8-2023<br>V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Anh Khoa.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Cao Minh Sơn;

2. Bà Thạch Thị Mỹ Kim.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Đặng Văn Giữ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thu Giang – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 6 và 02 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 317/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2023/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ngân hàng N (A);

Địa chỉ: Số 02 L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Ông Phạm Toàn V ủy quyền cho bà Nguyễn Thị T, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh số 1 T tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền số: 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01 tháng 12 năm 2022;

Bà Nguyễn Thị T ủy quyền lại cho ông Mai Trường Y, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh số 1 T tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền số: 170/UQ-NHNo.CN1 ngày 30 tháng 6 năm 2023 (có mặt);

Địa chỉ: Số 70 - 72 L, Phường H, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

*2.Bị đơn:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1961 (có mặt);

Địa chỉ: Số 408 L, Khóm B, Phường M, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Nơi cư trú hiện tại: Ấp V, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Dương Văn M, sinh năm 1956 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

- Anh Trần Văn H, sinh năm 1992 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

- Chị Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1994 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số 408 L, Khóm B, Phường M, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Nơi cư trú hiện tại: Ấp V, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo nội dung đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Mai Trường Y là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:* Ngày 18 tháng 6 năm 2019, bà Trần Thị H có vay số tiền 100.000.000 đồng tại Ngân hàng N - Chi nhánh số 1 T theo Hợp đồng tín dụng số 7401-LAV-201901633 ngày 18 tháng 6 năm 2019. Hạn trả nợ đến ngày 20 tháng 6 năm 2022.

Dư nợ hiện tại là 100.000.000 đồng.

Tài sản thế chấp cho món vay trên theo Hợp đồng thế chấp số 1633/BĐTD ngày 18 tháng 6 năm 2019 gồm:

- Quyền sử dụng đất thuộc thửa 294, tờ bản đồ số 43, diện tích 99 $m^2$, loại đất chuyên trồng lúa nước tại ấp V, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CG 812122 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh cấp ngày 05 tháng 4 năm 2017 cho bà Trần Thị H.

- Quyền sử dụng đất thuộc thửa 293, tờ bản đồ số 43, diện tích 60 $m^2$, loại đất ở nông thôn tại ấp V, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CG 812123 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh cấp ngày 05 tháng 4 năm 2017 cho bà Trần Thị H.

Trong quá trình vay, bà Trần Thị H đã vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng N - Chi nhánh số 1 T, cụ thể là không trả nợ gốc và lãi đúng hạn. Ngân hàng N - Chi nhánh số 1 T đã cử cán bộ đến đôn đốc nhiều lần nhưng bà H vẫn không trả nợ.

Nay Ngân hàng N yêu cầu bà Trần Thị H, ông Dương Văn M liên đới trả số tiền gốc là 100.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 02 tháng 8 năm 2023 là 22.231.208 đồng (lãi trong hạn là 15.960.275 đồng, lãi quá hạn là 5.776.026 đồng, lãi chậm trả là 494.907 đồng). Tổng cộng gốc và lãi là 122.231.208 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 03 tháng 8 năm 2023 cho đến khi tất toán nợ gốc nói trên với lãi suất theo hợp đồng tín dụng, các phụ kiện và các thông báo có liên quan.

Trường hợp bà Trần Thị H, ông Dương Văn M không thực hiện hoặc thực

hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp số 1633/BĐTD ngày 18 tháng 6 năm 2019.

*Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, bà Trần Thị H là bị đơn trình bày:* Bà Trần Thị H có vay tiền tại Ngân hàng N - Chi nhánh số 1 T với số tiền 100.000.000 đồng. Do hoàn cảnh khó khăn nên bà H chưa trả được nợ gốc và lãi.

Nay bà H thống nhất trả nợ gốc và lãi như ngân hàng yêu cầu nhưng đề nghị được trả dần. Trường hợp không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì bà H thống nhất phát mãi tài sản thế chấp để ngân hàng thu hồi nợ.

*Ông Dương Văn M là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai trong quá trình giải quyết vụ án như sau:* Ông Dương Văn M và bà Trần Thị H sống chung như vợ chồng từ năm 1988 nhưng không có đăng ký kết hôn. Đối với việc bà H vay tiền tại Ngân hàng N - Chi nhánh số 1 T ông M cũng biết và có sử dụng tiền vay này. Phần đất thế chấp là tài sản chung của ông M và bà H. Nay ông M cũng thống nhất với ý kiến của bà Trần Thị H.

Anh Trần Văn H, chị Nguyễn Thị Thu H1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H và chị H1 cũng không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên việc hòa giải không tiến hành được do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên qua vắng mặt tại các phiên họp. Do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, ông Dương Văn M, anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị Thu H1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến. Các đương sự không nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ và không đề nghị triệu tập thêm người làm chứng, người tham gia tố tụng khác.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật cũng như quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N. Buộc bà Trần Thị H và ông Dương Văn M trả cho Ngân hàng N số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết tiền nợ gốc và lãi theo lãi suất được thỏa thuận trong hợp đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực thi hành, nếu bà Trần Thị H và ông Dương Văn M không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng N có quyền xử lý tài sản bảo đảm của khoản vay để xử lý thu hồi nợ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị H và ông Dương Văn M là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Bị đơn cư trú tại Khóm 4, Phường 1, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Tại phiên tòa, ông Dương Văn M, anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị Thu H1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về mặt nội dung: Xét thấy việc bà Trần Thị H vay số tiền 100.000.000 đồng tại Ngân hàng N - Chi nhánh số 1 T và hiện tại chưa trả được nợ gốc và lãi là có thật, được bà Trần Thị H thừa nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 7401-LAV-201901633 ngày 18 tháng 6 năm 2019 thì khoản vay này đã quá hạn. Căn cứ quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 4 Điều 13 của Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Điều 7, Điều 8, Điều 12, Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì bà Trần Thị H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng, tiền lãi là 22.231.208 đồng (bao gồm lãi trong hạn là 15.960.275 đồng, lãi quá hạn là 5.776.026 đồng, lãi chậm trả là 494.907 đồng).

[3] Đối với ông Dương Văn M sống chung như vợ chồng với bà Trần Thị H từ năm 1988 nhưng không có đăng ký kết hôn nên không được xem là vợ chồng hợp pháp. Tuy nhiên, ông M thừa nhận ông biết bà H vay tiền tại Ngân hàng N - Chi nhánh số 1 T và có sử dụng tiền vay, đồng thời tài sản thế chấp là tài sản chung của ông M và bà H. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 288 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì ông M phải có nghĩa vụ liên đới cùng với bà H trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng N.

[4] Kể từ ngày 03 tháng 8 năm 2023 cho đến khi thi hành án xong, bà Trần Thị H, ông Dương Văn M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 7401-LAV-201901633 ngày 18 tháng 6 năm 2019.

[5] Trường hợp bà Trần Thị H, ông Dương Văn M không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi các tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp số 1633/BĐTD ngày 18 tháng 6 năm 2019 gồm: Quyền sử dụng đất thuộc thửa 294, tờ bản đồ số 43, diện tích 99 $m^2$, loại đất chuyên trồng lúa nước tại ấp V, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CG 812122 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh cấp ngày 05 tháng 4 năm 2017 cho bà Trần Thị H. Quyền sử dụng đất thuộc thửa 293, tờ bản đồ số 43, diện tích 60 $m^2$, loại đất ở nông thôn tại ấp V, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CG 812123 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh cấp ngày 05 tháng 4 năm 2017 cho bà Trần Thị H.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị H, ông Dương Văn M phải chịu 6.111.560 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng do bà H và ông M là người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn án phí.

[7] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Trần Thị H và ông Dương Văn M phải chịu toàn bộ với số tiền 1.000.000 đồng. Ngân hàng N đã nộp tạm ứng 1.000.000 đồng nên bà Trần Thị H, ông Dương Văn M phải nộp số tiền 1.000.000 đồng tại cơ quan thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh để trả lại cho Ngân hàng N.

[8] Xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án và phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên có căn cứ để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 288; Điều 320; Điều 323; Điều 463; Điều 466; Điều 468; của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 16 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Căn cứ vào khoản 4 Điều 13 của Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Căn cứ vào Điều 7; Điều 8; Điều 12; Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ vào Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Buộc bà Trần Thị H, ông Dương Văn M liên đới trả cho Ngân hàng N số tiền 122.231.208 đồng. Trong đó tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 02 tháng 8 năm 2023 là 22.231.208 đồng (bao gồm lãi trong hạn là 15.960.275 đồng, lãi quá hạn là 5.776.026 đồng, lãi chậm trả là 494.907 đồng).

Kể từ ngày 03 tháng 8 năm 2023 cho đến khi thi hành án xong, bà Trần Thị H, ông Dương Văn M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 7401-LAV-201901633 ngày 18 tháng 6 năm 2019.

Trường hợp bà Trần Thị H, ông Dương Văn M không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi các tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp số 1633/BĐTD ngày 18 tháng 6 năm 2019 gồm: Quyền sử dụng đất thuộc thửa 294, tờ bản đồ số 43, diện tích 99 $m^2$, loại đất chuyên trồng lúa nước tại ấp V, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CG 812122 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh cấp ngày 05 tháng 4 năm 2017 cho bà Trần Thị H. Quyền sử dụng đất thuộc thửa 293, tờ bản đồ số 43, diện tích 60 $m^2$, loại đất ở nông thôn tại ấp V, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CG 812123 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh cấp ngày 05 tháng 4 năm 2017 cho bà Trần Thị H.

Về án phí: Bà Trần Thị H, ông Dương Văn M được miễn án phí. Hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền 2.678.000 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số 0013253 ngày 01 tháng 11 năm 2022 và số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0015459 ngày 16 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Trần Thị H và ông Dương Văn M phải chịu toàn bộ với số tiền 1.000.000 đồng. Ngân hàng N đã nộp tạm ứng 1.000.000 đồng nên bà Trần Thị H, ông Dương Văn M phải nộp số tiền 1.000.000 đồng tại cơ quan thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh để trả lại cho Ngân hàng N.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy

định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND Tp Trà Vinh;
- Chi cục THADS Tp Trà Vinh;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Anh Khoa**